TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN UH–TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2019/HS-ST
Ngày: 30/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thiện**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Viết Côi** và bà **Nguyễn Thị Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tưởng Thị Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Khuyến -** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện UH, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩmthụ lý số: 75/2019/TLST-HS ngày19tháng11năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:75/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng11 năm 2019 đốivới:

**** Bị cáo:*Phạm Văn T**-sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn ĐK, xã HS, huyện MĐ, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 09/12.Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn Đ (đã chết), con bà Trịnh Thị S - sinh năm 1959. Có vợ: Trần Thị H - sinh năm 1986. Có 02 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2014). Tiền sự: không. Tiền án: ngày 26/02/2008 bị Tòa án nhân dân huyện UH xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, chấp hành xong hình phạt ra trại ngày 12/9/2013 - chưa được xóa án tích; Nhân thân: ngày 05/3/2001 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao tại Hà Nội phạt 10 tháng 16 ngày tù về tội *"Cướp tài sản công dân"*, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2019 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công anthành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa).*

* *Ng□ời bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:* Ông Nguyễn Ngọc C- Là trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý nhà n- ớc Thành phố Hà Nội (Có mặt).

****Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Anh Nguyễn Đức T1 - sinh năm 1983; Trú tại: thôn TH, xã HT, huyện MĐ,

thành phố Hà Nội*(Vắng mặt).*

2. Chị Đinh Thị V - sinh năm 1985; Trú tại: thôn SĐ, xã HĐ, huyện KB, tỉnh Hòa Bình*(Vắng mặt).*

**** Người làm chứng***: Anh Nguyễn Phúc T2 - sinh năm 1988; Trú tại: thôn BLH, xã HQ, huyện UH, thành phố Hà Nội *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11giờ 00phút ngày 10/10/2019, Phạm Văn T mượn xe môtô Wave RSX BKS: 28B1-166.47 của anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1983 ở TH, xã HT, huyện MĐ mục đích để đi tìm mua ma túy để sử dụng. T điều khiển xe đến BLH, HQ tìm mua được 02 gói ma túy với giá 400.000đ của một thanh niên tên "Huy". Sau đó, T cầm 02 gói ma túy mua được ở tay trái và điều khiển xe mô tô đi về được khoảng 500m thì bị Công an xã Hòa Phú phối hợp với Công an xã HQ, huyện UHyêu cầu dừng xe kiểm tra; Quá trình kiểm tra phát hiện thu giữ tại tay trái T 02 gói nhỏ. Tại chỗ, T khai nhận 02 gói nhỏbên trong có bột màu trắng là ma túy vừa mua được với giá 400.000đ *(bốn trăm nghìn Đ)* mục đích sử dụng cho bản thân. Tổ Công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng. Ngày 11/10/2019, Công an huyện UHđã khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Phạm Văn T, nhưng không thu giữ được gì.

Vật chứng thu giữ:*02 gói nhỏ bên ngoài bọc bằng giấy, bên trong là bột màu trắng được niêm phong trong phong bì thư đề mẫu A1 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX BKS: 28B1-166.47 đã cũ.*

Tại kết luận giám định số 6482/KLGĐ-PC09 ngày 18/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận*"Bột màu trắng bên trong 02 gói giấy (ký hiệu A1) là ma túy loại hêrôin, khối lượng 0,213gam".*

Cáo trạng số: 72/CT-VKS ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện UH đã truy tố Phạm Văn T về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên toà: Bị cáo thừa nhận hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Ông Nguyễn Ngọc C có quan điểm: Hành vi của bị cáo Phạm Văn T bị Viện kiểm sát truy tố bị cáo Phạm Văn T với tội danh, khoản, điều luật trong cáo trạng là có căn cứ pháp luật, đúng ng- ời, đúng tội. Xét, về hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và gia đình sống tại địa ph- ơng luôn chấp hành đúng quy định pháp luật, đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo Phạm Văn T đ- ợc h- ởng mức án thấp hơn mức án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHSxử phạt bị cáo T1 từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy số ma túy gửi lại sau giám định; Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1]Tại phiên toà bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời trình bày của những người liên quan và người làm chứng; vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội Đ xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 10/10/2019, Phạm Văn T có hành vitàng trữ 02 gói ma túy là Heroin có khối lượng 0,213 gam trên đường đi mua ma túy từ BLH, HQ về nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị kiểm tra bắt giữ. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2]Xét, hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn Tđã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý và sử dụng chất ma tuý của Nhà nước, làm gia tăng tệ nạn ma tuý, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Xét, ngày 26/02/2008 bị cáo T đã bị Tòa án nhân dân huyện UHxử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* chấp hành xong hình phạt ra trại ngày 12/9/2013,nhưng chưa được xóa án tích, do đó lần phạm tội này thuộc trường hợp "*tái phạm"* được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, vì vậy Hội Đ xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc mới có tác dụng đối với bị cáo và phòng ngừa chung, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới phản ánh đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mìnhdo đó Hội Đ xét

xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm s khoản 1Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khan, được công nhận là hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]Đối với người bán ma túy cho Phạm Văn T, tại cơ quan điều tra T khai không biết tên tuôi, địa chỉ cụ thể. Việc mua bán ở ngoài đường không có ai biết. Ngoài lời khai của T, Cơ quan điều tra không chứng minh làm rõ được, nên không đặt ra giải quyết.

[5]Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong chứa chất ma túy gửi lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy; Đối với chiếc xe mô tô Wave RSX BKS: 28B1-166.47, qua điều tra đã xác định chiếc xe mô tô trên đăng ký mang tên chị Đinh Thị V - SN: 1985 ở SĐ, HĐ, KB, Hòa Bình (là vợ của Nguyễn Đức T1). Cùng ngày, anh T1 cho T mượn xe mô tô, đã không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy. Ngày 08/11/2019, Công an huyện UHđã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị V, nên Hội Đ xét xử không đặt ra giải quyết.

[6]Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135;khoản 2 Điều 136 BLTTHS,Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; bị cáovà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàođiểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 BLHS; Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Xử phạt Phạm Văn T 24*(hai mươi bốn)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 10/10/2019.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong gửi lại sau giám định. (*Tình trang như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện UH ngày 27/11/2018).*

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn Đ*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Người có quyền lợi liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Công an huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- UBND xã nơi bị cáo ĐKTT;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện

Thành viên Hội Đ xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa